

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị C, sinh năm 1979; trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Công S, sinh năm 1971; trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2022 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Chị và anh Lương Công S kết hôn với nhau vào ngày 04 tháng 12 năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn mà chung sống như vợ chồng. Sau khi tổ chức cưới hỏi, chị về nhà anh S sống chung tại thôn C (nay là thôn B), xã T, huyện L, tỉnh

Bắc Giang. Đến năm 2017 thì chị và anh S nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Hơn nữa anh S hay uống rượu, chị có khuyên can thì anh S không thay đổi mà còn chửi mắng, đánh đập chị. Mặc dù hiện nay chị và anh S vẫn đang sống chung nhà nhưng từ lâu đã không nói chuyện, không hỏi thăm, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh S. Chị xác định từ khi tổ chức cưới hỏi với anh S đến nay, cả anh và chị chưa đến cơ quan Nhà nước để đăng ký kết hôn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Lương Công S được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Lương Thị O, sinh năm 1997 và Lương Thị N, sinh năm 2001. Do các con chung đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31-5-2022, bị đơn anh Lương Công S trình bày:

Anh và chị Phạm Thị C kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào năm 1996. Hiện anh vẫn đang lưu giữ Giấy chứng nhận kết hôn nhưng chưa giao nộp cho Tòa án được. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị C không có mâu thuẫn gì lớn. Chị C đi lao động tại Đài Loan đến năm 2019 về nước thì anh và chị C nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị C có quan hệ bất chính với người khác nên anh và chị C xảy ra cãi vã, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác. Nay chị C xin ly hôn thì anh không đồng ý, lý do là anh không muốn mang tai tiếng với họ hàng, gia đình thông gia, hơn nữa anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là Lương Thị O, sinh năm 1997 và Lương Thị N, sinh năm 2001. Do các con chung đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa ngày 28 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh Lương Công S vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 04 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn chị Phạm Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị C trình bày chị và anh S không đăng ký kết hôn theo quy định, chỉ tổ chức cưới hỏi và chung sống như vợ chồng từ ngày 04-12-1995 (âm lịch). Vì vậy, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung. Bị đơn anh Lương Công S vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu

thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C: Không công nhận chị Phạm Thị C và anh Lương Công S là vợ chồng. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lương Công S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, anh Lương Công S vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Lương Công S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Phạm Thị C và anh Lương Công S tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thì được biết chị C và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 04-12-1995 âm lịch và có hai người con chung. UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin hiện nay không còn lưu giữ sổ gốc cấp giấy chứng nhận kết hôn trước năm 2000, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị C và anh S. Quá trình giải quyết vụ án, anh S trình bày: Năm 1996, anh và chị C có đến UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn, hiện anh đang quản lý giấy này. Tòa án đã yêu cầu anh S cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh S không cung cấp được. Do đó không đủ căn cứ để xác định chị C và anh S có đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị C và anh Lương Công S không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị C và anh Lương Công S đã phát sinh mâu thuẫn, phía nguyên đơn chị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục

Ngạn giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S. Bị đơn anh Lương Công S cũng xác định anh và chị C có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị C có quan hệ bất chính với người khác. Anh S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh S không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng đoàn tụ của anh S là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị C và anh Lương Công S là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị C và anh Lương Công S có hai con chung là Lương Thị O, sinh năm 1997 và Lương Thị N, sinh năm 2001. Do các con chung đều đã trưởng thành, chị C và anh S không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị C và anh Lương Công S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C: Không công nhận chị Phạm Thị C và anh Lương Công S là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010664 ngày 21 tháng 3 năm 2022. Xác nhận chị Phạm Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lương Thị Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ngọc Hà